

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-04-2018

V/v: ly hôn giữa ông L
và bà O

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận

Bà Huỳnh Cẩm Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 03-04-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 24-11-2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-02-2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16-03-2018 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02-04-2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L -sn:1988 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

2.*Bị đơn:* Nguyễn Thị Ngọc O -sn:1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-11-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông L và bà O tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132 ngày 01-07-2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi cưới. Sau khi lấy nhau vợ chồng về chung sống tại khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà O thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, ông L đã đứng ra trả nợ và khuyên can nhưng bà O không nghe, vợ chồng không có sự thấu hiểu, chia sẻ, bà O thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày, có khi 10 ngày, có khi cả tuần mới ghé về nhà rồi lại đi. Từ đầu tháng 09-2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Do bà O thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng không gặp nhau để hòa giải được, ông L điện thoại nhưng bà O không nghe. Nhận thấy bà O không có trách nhiệm với chồng con và gia đình nên ông L đề nghị được ly hôn với bà O.

Về nuôi con chung: Ông L và bà O có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Nhật M sinh ngày 23-10-2015 hiện đang sống cùng ông L, từ khi bỏ đi bà O không chăm lo gì đến con chung, ông L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà O phải cấp dưỡng nuôi con chung, ông L hiện đang làm thợ hồ, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000đ nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho thu nhập của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay bà O vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa ông L và bà O là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa các bên đã kéo dài, hai bên đã sống ly thân, trong thời gian ly thân hai bên cũng không hòa giải để hàn gắn tình cảm, vì thế không có cơ hội để chung sống hạnh phúc bên nhau nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của ông L là được ly hôn với bà O. Hai bên có 01 con chung sinh ngày 23-10-2015 hiện đang sống cùng ông L, bà O thì hay bỏ nhà đi dài ngày, không biết đi đâu, không biết bà O có công việc hay thu nhập để đảm bảo nuôi con hay không, nên không đảm bảo điều kiện nuôi con, bà O cũng không có mặt để trình bày ý kiến của mình, từ đó cho thấy bà O không có sự quan tâm đến gia đình và chồng con nên có cơ sở giao con chung cho ông L nuôi dưỡng, ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông L không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền:* Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng:* Bà O dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bà O là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu:*

[3.1]*Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông L và bà O có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132 ngày 01-07-2013 (BL 06) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo ông L thì sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà O thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, ông L đã đứng ra trả nợ và khuyên can nhưng bà O không nghe, vợ chồng không

có sự thấu hiểu, chia sẻ, bà O thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày, có khi 10 ngày, có khi cả tuần mới ghé về nhà rồi lại đi. Từ đầu tháng 09-2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Do bà O thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng không gặp nhau để hòa giải được, ông L điện thoại nhưng bà O không nghe. Nhận thấy bà O không có trách nhiệm với chồng con và gia đình nên ông L đề nghị được ly hôn với bà O. Bà O dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Qua thực tế xác minh tại địa phương nơi ông L và bà O sinh sống thể hiện bà O có tham gia chơi đề nợ nhiều người nên bỏ chồng con đi đâu không rõ, hiện nay bà O không còn chung sống với ông L, vợ chồng có 01 con chung đang chung sống với ông L (BL 20) nên xét thấy vợ chồng chung sống mà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không tôn trọng lẫn nhau, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của ông L là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của ông L là được ly hôn với bà O.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Ông L và bà O có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Nhật M sinh ngày 23-10-2015 (BL 07), hiện đang sống cùng ông L, ông L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà O phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do bà O không đến phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này và đã bỏ con lại cho ông L nuôi dưỡng như xác nhận của địa phương (BL 20) nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của ông L, nếu sau này bà O có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên ông L phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Ông L và bà O được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L đối với Nguyễn Thị Ngọc O.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với Nguyễn Thị Ngọc O.

2. Về nuôi con chung: Ông L và bà O có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Nhật M sinh ngày 23-10-2015, hiện đang sống cùng ông L. Ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông L, bà O đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà ông L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004975 ngày 21-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông L đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND nơi ĐKKH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Ngô Diệp Lai